

# NGHIÊN CỨU MÔ HÌNH QUẢN LÝ CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN

**KS. Hoàng Thị Thắm**

*Trường Cao đẳng nghề Cơ điện và Thủy lợi, Hưng Yên*

**PGS. TS Ngô Thị Thanh Vân**

*Trường Đại học Thủy lợi*

**Tóm tắt** Dựa trên cơ sở phân tích thực trạng của các mô hình quản lý khai thác dịch vụ nước sạch nông thôn ở Việt Nam, nghiên cứu đã chỉ ra những hạn chế trong các mô hình đó là do: Cơ chế, chính sách quản lý cấp nước chưa phù hợp, hoạt động của các doanh nghiệp cấp nước còn mang tính bao cấp trong đầu tư và quản lý, chưa tự chủ về tài chính. Mặt khác, thiếu sự phối hợp quản lý giữa các bên liên quan và sự tham gia quản lý của người hưởng lợi cũng là những trở ngại lớn đối với công tác quản lý.

Để phát huy những thế mạnh và khắc phục hạn chế từ các mô hình đó, nghiên cứu đề xuất một mô hình quản lý, khai thác dịch vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn. Mô hình này có sự quản lý kết hợp của Nhà nước, doanh nghiệp tư nhân và cộng đồng dân cư.

## **Đặt vấn đề:**

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm phát triển hiện nay ở nước ta về quản lý cung cấp nước sạch nông thôn là phải đi sâu vào kinh doanh nước sạch, phát triển chuyên ngành trên cơ sở hình thành dịch vụ người bán - người quản lý và người mua nước, để dần dần loại bỏ bao cấp trong nước sạch và cơ bản hình thành thị trường nước sạch nông thôn trên phạm vi toàn quốc vào năm 2020. Chính phủ đã có chủ trương về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn, các dự án, công trình cấp nước sạch nông thôn phục vụ cho cộng đồng. Theo đó, các tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động đầu tư, chuyển giao công nghệ, quản lý khai thác, sản xuất kinh doanh, dịch vụ về nước sạch nông thôn sẽ được hưởng những ưu đãi về đất đai, về thuế, được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và huy động vốn, được hỗ trợ bù giá nước sạch nông thôn. Các tổ chức, cá nhân phải có các mô hình quản lý cung cấp và khai thác nước sạch hợp lý, phải có các phương án tổ chức sản xuất kinh doanh, dịch vụ, chuyển giao công nghệ; có năng lực quản lý khai thác và cam kết cung cấp dịch vụ nước sạch phục vụ cho cộng đồng dân cư nông thôn phù hợp.

Như vậy, thay đổi chính sách và môi trường

quản lý ngành, trong đó quản lý khai thác dịch vụ nước sạch nông thôn là một vấn đề cấp thiết có ý nghĩa thực tiễn cần được nghiên cứu.

## **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu là các mô hình đang quản lý khai thác dịch vụ cấp nước sạch ở nông thôn thuộc các tỉnh huyện, xã miền Bắc Trung Nam trên toàn quốc.

Sử dụng phương pháp điều tra và phân tích thực tế ở một số trung tâm cấp nước sạch nông thôn; thu thập và đánh giá các văn bản về cơ chế quản lý, cơ chế tài chính;

## **Nội dung nghiên cứu**

### **1. Phân tích các mô hình quản lý khai thác dịch vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn**

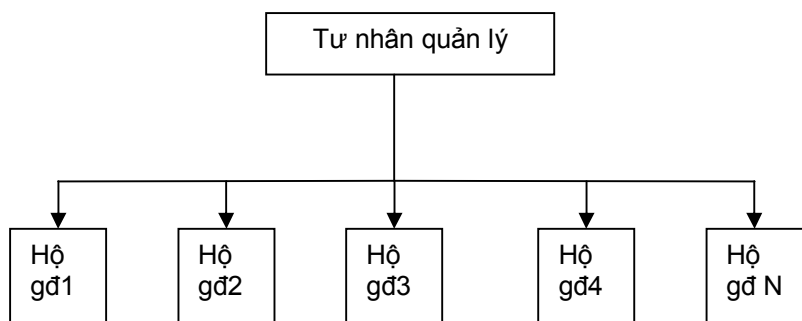
Ở nước ta hiện nay các công trình cấp nước đã có nhiều mô hình về quản lý khai thác dịch vụ cấp nước sạch như: tổ dịch vụ nước sạch của hợp tác xã nông nghiệp, HTX dịch vụ nước sạch, doanh nghiệp tư nhân, Trung tâm NS&VSMT tỉnh trực tiếp quản lý khai thác công trình. Các mô hình này đã và đang hoạt động có hiệu quả và đang tiến dần đến các mô hình bền vững. Nghiên cứu sau đây sẽ phân tích 4 mô hình phổ biến điển hình được áp dụng nhiều cụ thể như sau:

#### **a) Mô hình tư nhân quản lý, vận hành**

Mô hình này đơn giản, quy mô công trình rất

nhỏ (công suất <math><50\text{m}^3/\text{ngày đêm}</math>) và vừa (công suất từ <math>50\text{-}300\text{ m}^3/\text{ngày đêm}</math>), công nghệ cấp nước đơn giản chủ yếu áp dụng cho một xóm, thôn. Khả năng quản lý, vận hành công trình thấp hoặc trung bình. Mô hình này đã được áp dụng ở một số tỉnh và đã đem lại hiệu quả đáng kể như sau: Tại tỉnh Tiền Giang, mô hình này

được áp dụng đem lại hiệu quả: dân có nước sạch, người đầu tư có hiệu quả kinh tế. Tại tỉnh Bình Thuận, một số hộ dân ở Mũi Né đã tự đầu tư khoan giếng, xử lý thủ công rồi cấp cho nhân dân xung quanh. Mô hình này cũng đã xuất hiện ở Phú Hải, Hàm Đức.



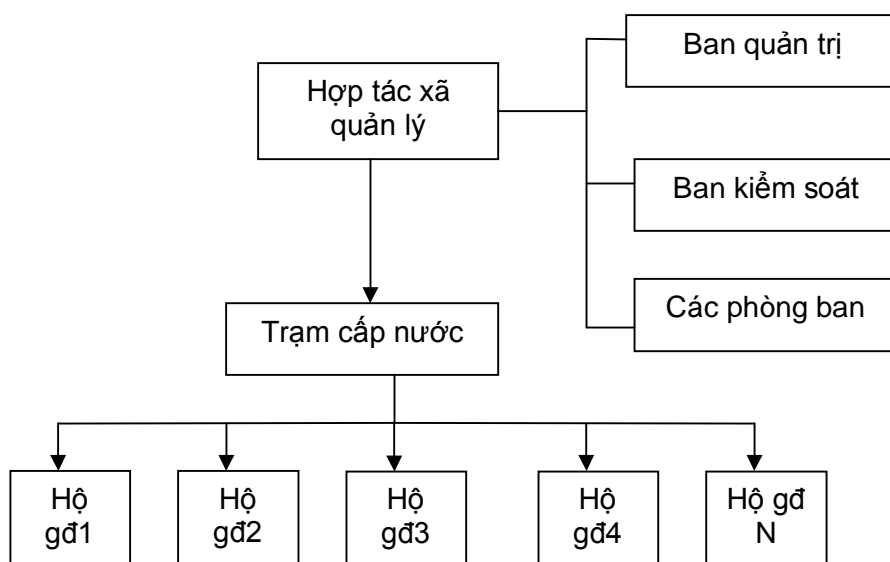
Hình 1. Mô hình tư nhân quản lý, vận hành

Mô hình tư nhân quản lý, vận hành là một mô hình đơn giản có thể áp dụng cho diện tích nhỏ phù hợp với những nơi mà các hệ thống cấp nước chưa đến được. Đồng thời nâng cao được ý thức sử dụng tiết kiệm nguồn nước sạch của người dân với công nghệ cấp nước đơn giản, có khả năng cơ động cao đến được những nơi vùng sâu, vùng xa và những nơi lũ lụt kéo dài.

Tuy nhiên, mô hình này do tư nhân quản lý,

vận hành không có sự tham gia của Nhà nước nên Nhà nước khó quản lý, dễ gây ra tình trạng cạn kiệt nguồn nước và nhiễm mặn nguồn nước, chất lượng nước không đảm bảo và giá nước không có sự quản lý của Nhà nước nên có thể xảy ra tình trạng giá nước quá cao vượt quá qui định, gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng tới an ninh xã hội.

**b) Mô hình hợp tác xã quản lý, vận hành:**



Hình 2. Mô hình hợp tác xã quản lý, vận hành

Quy mô công trình nhỏ (công suất từ <math>50\text{ - }300\text{ m}^3/\text{ngày đêm}</math>), và trung bình (công suất từ

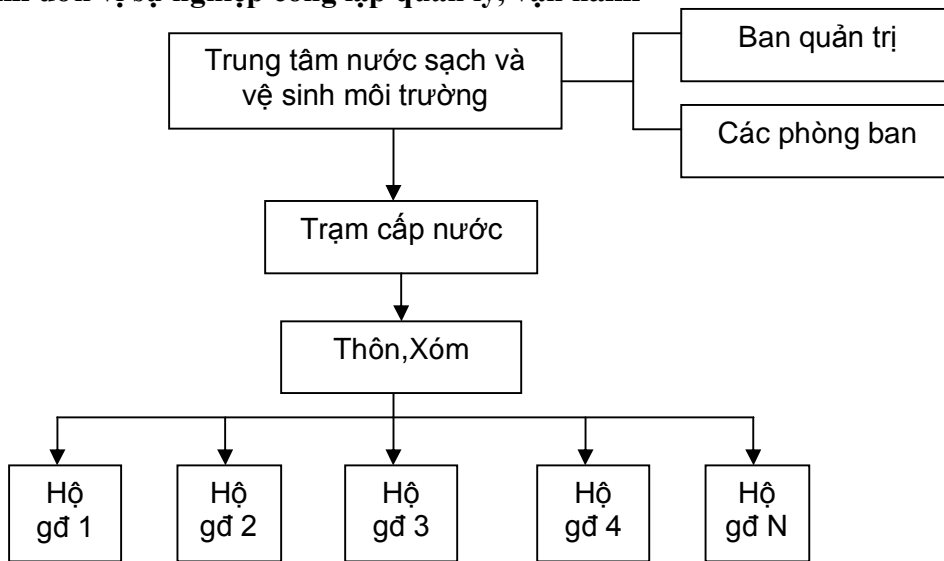
<math>300\text{ - }500\text{ m}^3/\text{ngày đêm}</math>). Phạm vi cấp nước cho một thôn hoặc liên thôn, xã, áp dụng phù hợp

cho vùng đồng bằng dân cư tập trung. Khả năng quản lý vận hành công trình thuộc loại trung bình hoặc cao.

Mô hình này hiện đang được áp dụng rộng rãi ở nhiều địa phương trong cả nước, điển hình như tỉnh Nam Định, đó là cấp nước sạch theo mô hình liên xã. Và ở tỉnh Quảng Trị, công trình nước sạch Hưng- An, một trong số 4 công trình cấp nước hiện có ở xã Hải Hòa, huyện Hải Lăng, nhiều năm liền được đánh giá là quản lý có hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế ở địa bàn nông thôn.

Mô hình này có sự phối hợp quản lý giữa Nhà nước và các hợp tác xã nên giá nước khá ổn định và phù hợp với khả năng chi trả của người dân, có sự gắn kết giữa Ban quản trị hợp tác xã với người dân cho nên chất lượng nước được đảm bảo. Tuy nhiên, mô hình cần có nguồn vốn đầu tư lớn do hệ thống cấp nước dàn trải và còn gặp khó khăn trong việc triển khai cấp nước đến từng hộ dân khi mật độ dân cư phân bố không đều, việc quản lý còn lỏng lẻo mà ý thức của người dân trong việc bảo vệ cơ sở vật chất còn hạn chế.

**c) Mô hình đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, vận hành**



*Hình 3. Mô hình đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, vận hành*

Quy mô công trình trung bình (công suất từ 300 – 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm) và quy mô lớn (công suất >500 m<sup>3</sup>/ngày đêm). Phạm vi cấp nước cho liên thôn (đồng bằng), liên bản (miền núi), xã liên xã. Trình độ, năng lực quản lý, vận hành công trình thuộc loại trung bình hoặc cao.

Mô hình tổ chức gồm: Giám đốc, các phó giám đốc và các phòng nghiệp vụ (phòng quản lý cấp nước, phòng tổ chức – hành chính, phòng kỹ thuật, phòng kế hoạch – tài chính...) và trạm cấp nước. Giám đốc chịu trách nhiệm chung, trực tiếp quản lý phòng tổ chức – hành chính, kế hoạch – tài chính; Các phó giám đốc phụ trách các phòng chuyên môn và các tổ chức quản lý vận hành; Các phòng ban giúp việc cho giám đốc theo chuyên môn, nhiệm vụ được giao.

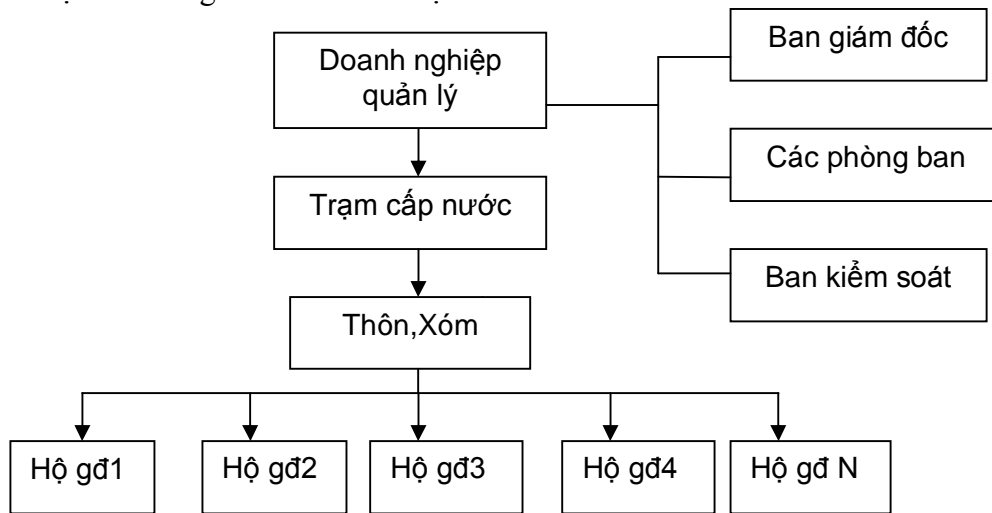
Mỗi trạm cấp nước thành lập một tổ quản lý vận hành trực thuộc phòng quản lý cấp nước và chịu trách nhiệm sự quản lý của các phòng chức năng thuộc Trung tâm, trực tiếp quản lý, vận hành công trình. Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa những hư hỏng, đục đồng hồ và ghi chép số lượng nước sử dụng của các hộ dùng nước, thu tiền nước của người sử dụng và nộp lên bộ phận kế toán. Mỗi tổ quản lý từ 3 -5 người (1 tổ trưởng 2 – 3 cán bộ vận hành bảo dưỡng và 1 kế toán).

Tại tỉnh Đắk Nông, vận dụng mô hình quản lý này và thu được những kết quả đáng khích lệ như Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn Đắk Nông.

Mô hình này đảm bảo cung cấp nước có chất lượng mà giá thành phù hợp với người dân. Mô hình cũng nhận được nhiều nguồn tài trợ từ các tổ chức trong nước và ngoài nước, do đó cải thiện được kỹ thuật, áp dụng công nghệ kỹ thuật tiên tiến trong quá trình xử lý nước đồng thời quan tâm tới vấn đề bảo vệ môi trường và an ninh – xã hội.

Tuy nhiên, mô hình này cũng cần nguồn vốn đầu tư lớn, việc quản lý và bảo dưỡng còn gặp nhiều khó khăn, ý thức bảo vệ cơ sở vật chất của người dân còn yếu kém.

**d) Mô hình doanh nghiệp quản lý, vận hành**



*Hình 4. Mô hình doanh nghiệp quản lý, vận hành*

Quy mô công trình trung bình (công suất từ 300 – 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm) và quy mô lớn (công suất từ > 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm). Phạm vi cấp nước cho liên thôn, liên bản, xã, liên xã, huyện; áp dụng phù hợp cho vùng dân cư tập trung. Trình độ, năng lực quản lý vận hành công trình thuộc loại trung bình hoặc cao.

Cơ cấu tổ chức của mô hình gồm: Giám đốc và các phòng ban giúp việc; Ban kiểm soát; Trạm cấp nước; Cán bộ, công nhân vận hành duy tu bảo dưỡng công trình được tuyển dụng theo đúng nghiệp vụ, chuyên môn về quản lý, công nghệ kỹ thuật cấp nước, được đào tạo, có bằng cấp chuyên môn. Nhiệm vụ: Sản xuất kinh doanh ngành nghề dịch vụ cung cấp nước sạch cho người sử dụng theo hợp đồng thỏa thuận; Thực hiện chế độ tài chính quy định của Nhà nước; Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý điều hành các hoạt động của công ty; Các phòng ban giúp việc cho Giám đốc theo từng nghiệp vụ chuyên môn, chức năng nhiệm vụ được giao; Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh của công ty; Trạm cấp nước trực tiếp quản lý, vận hành công trình,

thực hiện bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa những hư hỏng, đọc đồng hồ và ghi chép số lượng nước sử dụng của các hộ dùng nước, thu tiền nước của người sử dụng và nộp lên bộ phận kế toán (công ty) hoặc có bộ máy, hạch toán độc lập (công ty thành viên).

Tại tỉnh Tiền Giang đã hỗ trợ cấp nước sinh hoạt cho 4.000 hộ dân nông thôn ở vùng sâu, vùng xa đang gặp khó khăn nghiêm trọng về nguồn nước sạch đặc biệt trong mùa khô hạn 2010, với tổng kinh phí đầu tư 400.000 USD. Công ty TNHH có chức năng cung cấp nước sạch cho hộ dân nông thôn, với yêu cầu của cam kết tài trợ là các doanh nghiệp, đơn vị cấp nước làm toàn bộ thủ tục, thi công và cấp nước đến tận hộ dân. Tại tỉnh Phú Thọ, Công ty Cổ phần cấp nước Phú Thọ đã đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh sau chuyển đổi.

Mô hình này đã quan tâm tới vấn đề xử lý nước thải, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đồng thời chú trọng đến cải tiến kỹ thuật, thường xuyên tu sửa và bảo dưỡng hệ thống cấp nước. Song, mô hình vẫn có giá thành sản xuất đầu vào lớn dẫn đến giá nước cao và

hiệu quả sử dụng nước sau đầu tư ở khu vực nông thôn, miền núi, khu vực ven thành thị không cao.

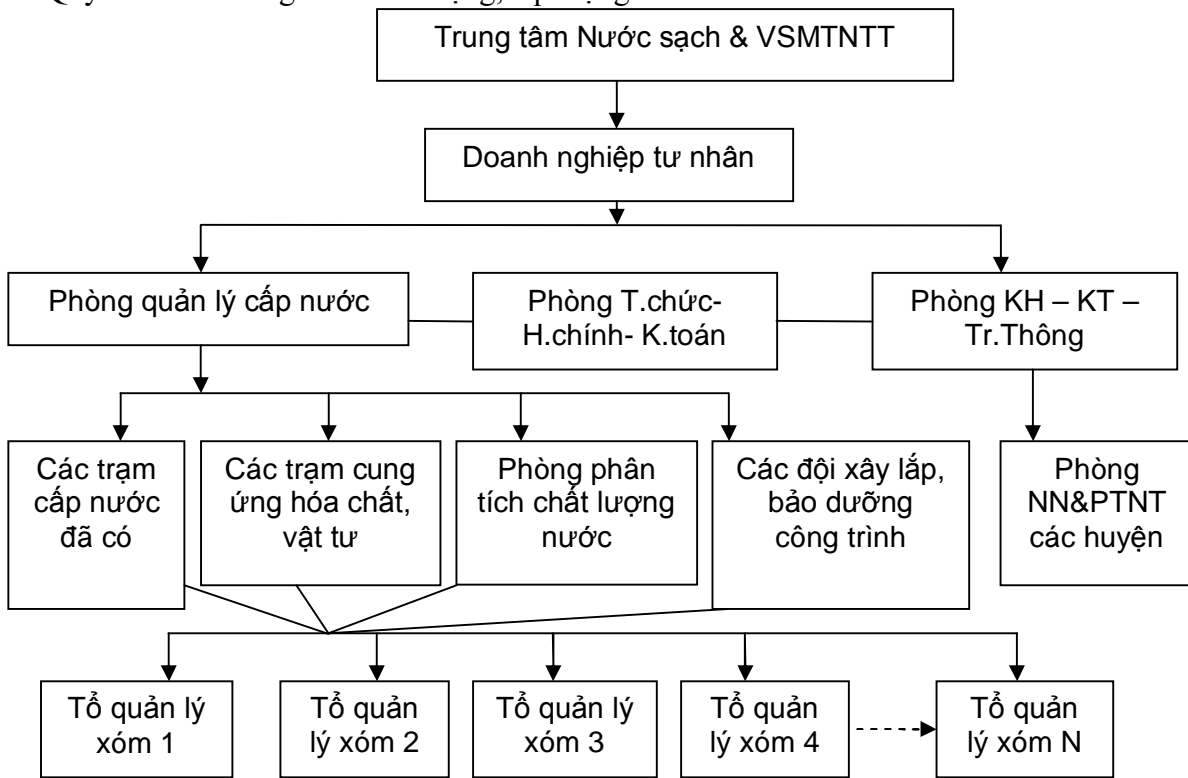
**2) Đề xuất mô hình quản lý khai thác dịch vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn**

Các mô hình được áp dụng vào thực tế đã mang lại được những hiệu quả đáng kể, đáp ứng được bước đầu nhu cầu dùng nước của người dân. Tuy nhiên, hiệu quả cấp nước đến từng hộ gia đình chưa cao, có nhiều vấn đề thiếu sót, thất thoát xảy ra. Vì vậy, nghiên cứu đề xuất mô hình này nhằm khắc phục được một số nhược điểm của bốn mô hình nêu trên và việc quản lý, cung cấp dịch vụ cấp nước tới người dân cũng linh hoạt và hợp lý hơn, đặc biệt nó phù với điều kiện cụ thể ở các vùng nông thôn ở nước ta.

Quy mô của công trình đa dạng, áp dụng

được cho nhiều địa phương; Nguồn vốn tư nhân nên có thể huy động số lượng lớn; Phạm vi cấp nước thôn liên thôn, bản liên bản, xã liên xã; Trình độ quản lý, vận hành công trình thuộc loại khá.

Mô hình tổ chức gồm: Giám đốc, phó giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ (phòng quản lý cấp nước, phòng tổ chức – hành chính – kế toán, phòng kế hoạch – kỹ thuật – truyền thông). Tuy nhiên, đây là mô hình Nhà nước kết hợp với tư nhân nên có sự quản lý của Nhà nước thông qua Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn của tỉnh. Trung tâm sẽ kết hợp với các doanh nghiệp tư nhân thành lập các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm cung cấp, quản lý, vận hành và chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát.



Hình 5 Mô hình đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp tư nhân quản lý, vận hành

Trung tâm gồm có 2 bộ phận: Bộ phận làm việc văn phòng và bộ phận lao động kỹ thuật có kinh nghiệm trong xây lắp, vận hành, bảo dưỡng các công trình cấp nước nông thôn. Cán bộ, công nhân chịu trách nhiệm vận hành, duy tu, bảo dưỡng được tuyển dụng đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ chuyên môn, về công nghệ kỹ thuật cấp nước, về quy trình vận hành, duy tu,

bảo dưỡng công trình.

Nhiệm vụ của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh: Tham mưu cho Giám đốc sở trong việc xây dựng các cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án về cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh, trình cấp có thẩm quyền và tổ chức thực hiện khi được phê

duyệt; Tham mưu cho Giám đốc sở, Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh về tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Tiếp nhận, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, vật tư, thiết bị các chương trình, dự án được phân công và thực hiện lồng ghép với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội khác có liên quan; Tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục, vận động nhân dân sử dụng nước sạch, giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn; Bồi dưỡng, tập huấn kỹ thuật, nghiệp vụ về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn cho các tổ chức và cá nhân có nhu cầu;

Đây là mô hình có sự kết hợp chặt chẽ giữa Nhà nước và các doanh nghiệp tư nhân, vì vậy để mô hình hoạt động có hiệu quả cao cần sự quản lý, giám sát thường xuyên của Nhà nước, đồng thời người dân cần phải có ý thức trách

nhiệm cao trong việc sử dụng cũng như bảo vệ nguồn nước và hệ thống cấp nước trong khu vực. Với phương châm hoạt động phát huy nội lực của dân cư nông thôn, dựa vào nhu cầu, trên cơ sở đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư, xây dựng và quản lý, đồng thời tăng cường hiệu quả quản lý Nhà nước trong các dịch vụ cung cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn. Đồng thời, hình thành thị trường nước sạch và dịch vụ vệ sinh nông thôn theo định hướng của Nhà nước.

### **Kết luận**

Mô hình có sự quản lý của Nhà nước nên giá nước ổn định và phù hợp với khả năng chi trả của người dân. Nguồn nước được khai thác và sử dụng hợp lý với chất lượng nước đảm bảo. Đồng thời, nguồn vốn đầu tư có sự hỗ trợ của Nhà nước và sự đóng góp của doanh nghiệp tư nhân cùng với người dân nên được sử dụng hiệu quả hơn. Thuận tiện cho vấn đề quản lý, vận hành và bảo dưỡng hệ thống cấp nước.

### **Tài liệu tham khảo**

- [1] Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020;
- [2] Một số văn bản chính sách, tài liệu, báo cáo khác có liên quan của ngành cấp nước
- [3] Building Capacities for Increased Choice (2005), *Issues and Options for Rural Water Supply and Sanitation in Viet Nam*, Hà Nội.

### **Abstract:**

#### **“STUDY ON MANAGEMENT MODEL OF WATER SUPPLY IN RURAL AREAS”**

*On the basis of situation analysis of management and exploitation models for rural water services in Vietnam, the study has shown that limitations of such models are due to: inappropriate regimes and policies for water supply management; activities of water supply enterprises are of subsidy in investment and management, not of financial autonomy. On the other hand, lack of management coordination among stakeholders as well as participatory management of beneficiaries are also the major obstacles to the management.*

*To promote the strengths and overcome limitations of those models, the study is proposing a model of management and exploitation of water supply services in rural areas. This model combines the management of the State, private sectors and communities.*